

VẬN TẢI BIỂN

DESIGN BY: NGUYỄN TRỌNG HOÀNG
TEL: 0968 190 590
COMPANY: HLTS VIET NAM CO.,LTD

VẬN TẢI BIỂN

➤ **Vận tải biển (Ocean shipping):** là việc chở hàng hóa giữa các quốc gia bằng đường biển, sử dụng hệ thống tàu biển và cầu cảng chuyên dụng phục vụ quá trình xếp dỡ vận tải hàng hóa.



➤ Hàng hóa vận chuyển thông qua phương thức vận tải biển chiếm 80% tổng khối lượng hàng hóa trong mua bán quốc tế.



Ưu điểm của vận tải biển

- Có năng lực vận chuyển lớn, khả năng thông qua của một cảng biển là rất lớn (hàng trăm triệu tấn hàng/ năm).
- Thích hợp cho hầu hết các loại hàng hóa trong thương mại quốc tế. Đặc biệt rất thích hợp và hiệu quả trong việc chuyên chở các loại hàng rời có khối lượng lớn, giá trị thấp.
- Tuyến đường vận chuyển đều là đường giao thông tự nhiên, đòi hỏi không nhiều về vốn, đồng thời có thể cùng lúc hoạt động hai chiều cho nhiều chuyến tàu.
- Giá thành vận tải đường biển rất thấp so với các phương tiện vận tải khác và ngày càng hạ do trọng tải chuyên chở lớn, quãng đường vận chuyển trung bình, dài, chi phí thấp. *Giá thành vận tải 1 tấn/km của vận tải biển bằng 49.2% so với vận tải đường sắt, 18% so với đường bộ, 70% đường sông và 2,5% so với vận tải đường không*

Nhược điểm

- Vận tải biển phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, điều kiện hàng hải, thường gặp phải các rủi ro về hàng hải như mắc cạn, đắm, cháy, đắm va, mất tích,... Tai nạn trong phương thức vận tải biển thường gây tổn thất lớn, thậm chí là tổn thất toàn bộ con tàu, hàng hóa và thủy thủ đoàn.
- Tốc độ của các loại tàu biển tương đối thấp, khoảng 14 - 20 hải lý/ giờ (1 hải lý = 1 852m). Do đó không thích hợp với các loại hàng cần tiến độ vận chuyển nhanh như hàng tươi sống hoặc phải điều tiết gấp.

VẬN TẢI BIỂN

- **Tuyến đường biển (Ocean line):** là những tuyến đường được hình thành giữa hai hay nhiều cảng với nhau, trên đó tàu, thuyền qua lại để vận chuyển hàng hóa hay hành khách.
Trong yêu cầu vận chuyển, cần phải được cung cấp thông tin về địa điểm giao nhận để định tuyến vận tải phù hợp với yêu cầu giao nhận và thời gian giao hàng.
- **Cảng biển (Sea port):** là nơi ra vào, neo đậu của tàu biển, có các trang thiết bị phục vụ cho việc bốc dỡ hàng hóa hoặc nơi đón/ đưa hành khách đi lại bằng đường thủy, là đầu mối giao thông quan trọng của một nước. Cảng biển có hai chức năng chính là phục vụ tàu biển và phục vụ hàng hóa.
Kết hợp với việc định tuyến vận chuyển cần phải xác định cảng giao nhận phù hợp đảm bảo về chi phí vận tải, giao nhận, năng lực đón tàu và khả năng khai thác hàng hóa tại cảng.
- **Bãi container (Container Yard – CY):** là nơi tiến hành giao nhận và bảo quản container bao gồm cont có hàng và cont rỗng.
- **Trạm giao nhận hàng lẻ - Kho hàng lẻ (Container Freight Station – CFS):** là nơi giao nhận và phục vụ hàng lẻ gửi bằng container. Tại đây, hàng lẻ được tiến hành thu gom, đóng vào container.

VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

- ❖ Vận đơn đường biển (Bill of lading – B/L): là chứng từ chuyên chở hàng hóa bằng đường biển do người chuyên chở hoặc đại diện người chuyên chở phát hành cho người gửi hàng sau khi hàng hóa đã được xếp lên tàu hoặc sau khi nhận hàng để xếp.
- ❖ Đảm bảo 3 chức năng:
 - Là biên lai nhận hàng để chở của người chuyên chở, ghi nhận thông tin về hàng nhận chở, chịu trách nhiệm trong quá trình chuyên chở, giao hàng tại cảng đến và thu hồi vận đơn.
 - Là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu hàng hóa ghi trên vận đơn
 - Là bằng chứng của hợp đồng vận tải được ký kết giữa các bên, có giá trị như một hợp đồng. Toàn bộ nội dung trên vận đơn là bằng chứng giải quyết tranh chấp giữa người phát hành và người cầm giữ vận đơn.

CÁCH SỬ DỤNG

- Đối với người gửi hàng (Shipper): Vận đơn là bằng chứng chứng minh người gửi hàng đã giao hàng và hoàn thành nghĩa vụ giao hàng theo đúng cam kết trong hợp đồng mua bán hàng hóa. Sau khi giao hàng, người gửi hàng dùng vận đơn cùng với các chứng từ khác lập thành bộ chứng từ để thanh toán tiền hàng.
- Đối với người chuyên chở (Carrier): Người chuyên chở dùng vận đơn để phát hành khi nhận hàng để chở. Ở cảng đến, người chuyên chở dùng vận đơn làm cơ sở để giao hàng. Người chuyên chở chỉ giao hàng cho người xuất trình vận đơn hợp lệ và sẽ thu hồi vận đơn để xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ vận chuyển hàng hóa.
- Đối với người nhận hàng (Consignee): dùng vận đơn xuất trình để nhận hàng ở cảng đích. Vận đơn là cơ sở để xác định lượng hàng thực tế người bán gửi. Người nhận hàng cũng có thể dùng vận đơn để cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng và là chứng từ để kê khai bộ chứng từ hàng hóa xuất nhập khẩu hoặc trong bộ hồ sơ khiếu nại.

NỘI DUNG MẶT TRƯỚC CỦA VẬN ĐƠN

- ✓ Tiêu đề của vận đơn: Bill of Lading, hoặc không cần ghi tiêu đề
- ✓ Tên người chuyên chở (Shipping Company, Carrier): tên công ty hay hãng vận tải
- ✓ Tên địa chỉ của Người giao hàng (Shipper, Consignor, Sender): thường là bên bán
- ✓ Người nhận hàng (Consignee): Nếu là vận đơn đích danh, ô này sẽ ghi tên và địa chỉ của người nhận hàng, nếu là vận đơn vô danh thì sẽ ghi "to the order", "to (the) order of..."
- ✓ Bên được thông báo (Notify Party): ghi tên và địa chỉ của người nhận hàng hoặc ngân hàng mở L/C, để thông báo về thông tin hàng hóa, hành trình con tàu.
- ✓ Nơi nhận hàng (Place of Receive)
- ✓ Cảng bốc hàng lên tàu (Port of Loading)
- ✓ Cảng dỡ hàng (Port of Discharge)
- ✓ Nơi giao hàng (Place of Delivery)
- ✓ Tên con tàu và số hiệu con tàu (Vessel and Voyage No.)
- ✓ Số lượng B/L bán chính được phát hành (Number of Original)
- ✓ Mã ký hiệu hàng hóa và số lượng (Marks and Numbers)
- ✓ Số lượng và loại kiện hàng (Number and kind of Packages)
- ✓ Mô tả hàng hóa (Description of Goods)
- ✓ Trọng lượng tổng (Gross Weight) Trọng lượng bao gồm cả bì
- ✓ Trọng lượng tịnh (Net Weight)
- ✓ Ngày và nơi ký phát vận đơn

NỘI DUNG MẶT SAU CỦA VẬN ĐƠN

- Gồm các điều kiện chuyên chở do các hãng tàu quy định và in sẵn (Term and Condition of Carriage) bao gồm các điều khoản:
- Các khái niệm
 - Trách nhiệm của người chuyên chở
 - Miễn trách của người chuyên chở
 - Xếp, dỡ và giao hàng
 - Cước phí và phụ phí
 - Điều khoản về cầm giữ hàng
 - Điều khoản về chậm giao hàng
 - Điều khoản về tổn thất chung
 - Điều khoản về chiến tranh
 - Điều khoản về đình công
 - Xếp hàng trên boong và xúc vật sống
 - Hàng đặc biệt, hàng nguy hiểm
 - Điều khoản mô tả hàng hóa...

Phân loại vận đơn đường biển

- Căn cứ tình trạng xếp dỡ có: Vận đơn đã xếp hàng (Shipped on Board B/L) và Vận đơn nhận để xếp (Received for Shipment B/L)
- Căn cứ vào khả năng lưu thông có: Vận đơn theo lệnh (Order B/L), Vận đơn đích danh (Straight B/L), Vận đơn vô danh (To bearer B/L).
- Căn cứ vào phê chú có: Vận đơn sạch hay hoàn hảo (Clean B/L) và Vận đơn không hoàn hảo (Unclean B/L)
- Căn cứ vào hành trình vận chuyển có: Vận đơn chờ suốt (Through B/L), Vận đơn đi thẳng (Direct B/L), Vận đơn đa phương thức (Multimodal B/L, Intermodal B/L hay Combined B/L);
- Căn cứ giá trị sử dụng có Vận đơn gốc (Original B/L) và Vận đơn Copy (Copy B/L)

CÁC CHỨNG TỪ KHÁC

Biên lai thuyền phó (Mate's Receipt): Xác nhận của thuyền phó phụ trách về hàng hóa trên tàu về việc đã nhận hàng chuyên chở.

CÁC CHỨNG TỪ KHÁC

- Phiếu gửi hàng (Shipping note): Do chủ hàng giao cho người chuyên chở để đề nghị lưu kho xếp hàng lên tàu, là cam kết gửi hàng và là cơ sở để chuẩn bị lập vận đơn.

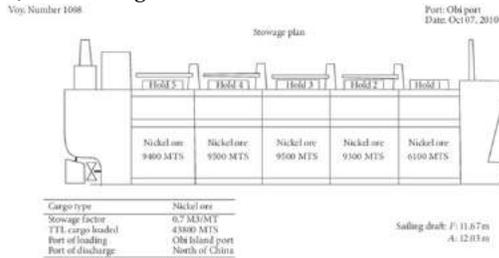
STANDARD SHIPPING NOTE FOR NON-DANGEROUS GOODS ONLY			
1. Exporter	2. Customs reference data		
3. Consignee	3. Booking Number	4. Exporter's reference	
7. Freight Forwarder	5. Forwarder's reference		
8. Other UN transport details (e.g. ICD, terminal, vehicle tag, etc.) including dates	8. International Carrier		
10. Vessel/flight no. and date	11. Part/point of loading		
11. Part/point of discharge	12. Shipping Marks		
13. No. and kind of packages, description of goods, Non-hazardous special storage requirements.	13A. Gross weight (kg) of goods	14. Cube (m ³) of goods	

CÁC CHỨNG TỪ KHÁC

Bản lược khai hàng (Manifest): Là chứng từ kê khai hàng hóa trên tàu, cung cấp thông tin về tiền cước, do đại lý tàu biển soạn và được dùng để khai hải quan và để cung cấp thông tin cho người giao nhận hoặc cho chủ hàng.

CÁC CHỨNG TỪ KHÁC

• Sơ đồ xếp hàng (Stowage plan): là bản vẽ vị trí sắp đặt các lô hàng lên tàu



CÁC CHỨNG TỪ KHÁC

- Bản kê sự kiện (Labour and time sheet): là bản kê những hiện tượng thiên nhiên và xã hội liên quan đến việc sử dụng thời gian xếp dỡ hàng
- Bảng tính thưởng phạt xếp dỡ (Demurrage and despatch report)
- Biên bản nhận hàng (Delivery Receipt): là biên bản ký kết giữa cảng (kho của cảng) với lãnh đạo tàu về tổng số kiện hàng được giao và nhận giữa họ
- Biên bản về hàng đổ vỡ hư hỏng (Cargo out turn report – COR): Là biên bản ký kết giữa cảng (kho hàng của cảng) về tình trạng hư hỏng, đổ vỡ, tổn thất của hàng hóa khi được dỡ từ tàu xuống cảng.
- Giấy chứng nhận hàng thừa thiếu so với lược khai của tàu (Certificate of short overlanded cargo and out turn report – CSC): Là chứng từ do hãng tàu hoặc đại lý hãng tàu cấp sau khi kiểm tra về hàng hóa được dỡ từ tàu biển xuống cảng.

CƯỚC BIỂN VÀ CÁCH TÍNH

- Cước vận tải biển được tính tùy theo lượng hàng hóa và phương thức đóng gói kèm theo các phụ phí có thể phát sinh.
- Đối với gửi hàng nguyên container: Cước được tính theo số lượng container, loại container theo từng tuyến và hãng vận chuyên
- Đối với hàng đóng chung container: Cước được tính theo mức nhân với lượng hàng quy đổi CBM

Volume (CBM) = Dài (m) x Rộng(m) x Cao(m) x Số lượng kiện

Gross weight (kg) = Tổng trọng lượng cả bì của hàng hóa

Nếu: G.W 3CBM > 1 tấn: -> Hàng nặng, Tính cước theo GW

Nếu: G.W 3 CBM=< 1 tấn-> Hàng nhẹ, tính theo số CBM

CÁC PHỤ PHÍ ĐƯỜNG BIỂN

- **BAF (Bunker Adjustment Factor): Phụ phí biến động giá nhiên liệu:** à khoản phụ phí (ngoài cước biển) hãng tàu thu từ chủ hàng để bù đắp chi phí phát sinh do biến động giá nhiên liệu
- **CAF (Currency Adjustment Factor): Phụ phí biến động tỷ giá ngoại tệ:** Là khoản phụ phí (ngoài cước biển) hãng tàu thu từ chủ hàng để bù đắp chi phí phát sinh do biến động tỷ giá ngoại tệ
- **COD (Change of Destination): Phụ phí thay đổi nơi đến:** Là phụ phí hãng tàu thu để bù đắp các chi phí phát sinh trong trường hợp chủ hàng yêu cầu thay đổi cảng đích, chẳng hạn như: phí xếp dỡ, phí đảo chuyển, phí lưu container, vận chuyển đường bộ...
- **DDC (Destination Delivery Charge): Phụ phí giao hàng tại cảng đến:** chủ tàu thu phụ phí để bù đắp chi phí dỡ hàng khỏi tàu, sắp xếp container trong cảng (terminal) và phí ra vào công cảng. Người gửi hàng không phải trả phí này vì đây là phí phát sinh tại cảng đích.
- **PCS (Panama Canal Surcharge): Phụ phí qua kênh đào Panama:** áp dụng cho hàng hóa vận chuyển qua kênh đào Panama
- **PCS (Port Congestion Surcharge):** áp dụng khi cảng xếp hoặc dỡ xảy ra ùn tắc, có thể làm tàu bị chậm trễ, dẫn tới phát sinh chi phí liên quan cho chủ tàu
- **PSS (Peak Season Surcharge): Phụ phí mùa cao điểm:** áp dụng trong mùa cao điểm từ tháng tám đến tháng mười, khi có sự tăng mạnh về nhu cầu vận chuyển hàng hóa thành phẩm để chuẩn bị hàng cho mùa Giáng sinh và Ngày lễ tạ ơn tại thị trường Mỹ và châu Âu

CÁC PHỤ PHÍ ĐƯỜNG BIỂN

- **SCS (Suez Canal Surcharge): Phụ phí qua kênh đào Suez:** áp dụng cho hàng hóa vận chuyển qua kênh đào Suez
- **THC (Terminal Handling Charge): Phụ phí xếp dỡ tại cảng:** là khoản phụ phí thu trên mỗi container để bù đắp chi phí cho các hoạt động làm hàng tại cảng, như: xếp dỡ, tập kết container từ CY ra cầu tàu...
- **CIC (Container Imbalance Charge hay Equipment Imbalance Surcharge): Phụ phí mất cân đối vỏ container:** Là khoản phụ phí (ngoài cước biển) hãng tàu thu của chủ hàng để bù đắp chi phí phát sinh từ việc điều chuyển (re-position) một lượng lớn container rỗng từ nơi thừa đến nơi thiếu.
- **WRS (War Risk Surcharge): Phụ phí chiến tranh:** Phụ phí này thu từ chủ hàng để bù đắp các chi phí phát sinh do rủi ro chiến tranh, như: phí bảo hiểm...

CÁC PHỤ PHÍ ĐƯỜNG BIỂN

- **Phí Handling (Handling fee):** Phí xử lý hàng hóa, là khoản phụ thu do FWD đặt thêm để dự phòng cho các chi phí khác hoặc tăng thêm lợi nhuận
- **Phí chứng từ (Documentation fee):** Phí thu phát sinh khi Shipper hoặc consignee nhờ FWD làm giúp các chứng từ hàng như contract, invoice, packing list...
- **Phí C/O (Certificate of Origin fee):** Bao gồm phí do cơ quan cấp C/O thu trên một bộ C/O phát hành và tiền công cho dịch vụ làm C/O
- **Phí D/O (Delivery Order fee):** Phí lệnh giao hàng, FWD, hãng tàu, ... khi phát lệnh giao hàng cho người nhận hàng sẽ thu thêm khoản phí cho công việc phát lệnh.
- **Phí AMS (Advanced Manifest System fee) và ANB:** là khoản phí bắt buộc do hải quan Mỹ, Canada và một số nước khác yêu cầu khai báo chi tiết hàng hóa trước khi hàng hóa được xếp lên tàu chờ tới Mỹ. Thường thu 25 \$/B/L

CÁC PHỤ PHÍ ĐƯỜNG BIỂN

- **Phí B/L:** Phí phát hành vận đơn đường biển: Thu khi phát hành vận đơn cho hàng hóa xuất khẩu được gửi bằng đường biển.
- **Phí phát hành điện giao hàng (Telex fee):** Phát sinh khi hàng hóa được giao bởi điện chấp nhận giao hàng theo điều kiện từ đại lý đầu gửi hàng tới đại lý đầu tra hàng.
- **Phí CFS (Container Freight Station fee):** Phí do công ty giao nhận/ FWD thu đối cho việc dỡ hàng từ container đưa vào kho hàng lẻ.
- **Demurrage DEM:** Phí lưu cont hàng tại bãi
- **Detention DET:** Phí lưu cont rỗng, tính khi lấy cont rỗng ra khỏi bãi
- **Storage:** Phí lưu bãi.
- **Phí chỉnh sửa B/L (Amendment fee):** Thu khi phát sinh yêu cầu sửa chữa thông tin trên vận đơn sau khi vận đơn đã được ký phát.
- **Phí chạy điện (Hàng lạnh):** Thu phí khi phải cắm điện để bảo quản container ở nhiệt độ yêu cầu của hàng lạnh
- **Phí chuyển phát chứng từ:** Thu phí khi phát sinh việc chuyển các chứng từ gốc từ đầu gửi tới đầu nhận.

QUY TRÌNH GỬI HÀNG LẺ BẢNG ĐƯỜNG BIỂN

- **B1:** Chủ hàng gửi Booking note cho hãng tàu hoặc đại lý, cung cấp thông tin về hàng hóa xuất khẩu. Sau khi Booking note được chấp nhận, chủ hàng sẽ thỏa thuận với hãng tàu về ngày, giờ, địa điểm giao nhận hàng.
- **B2:** Chủ hàng mở tờ khai hàng hóa xuất khẩu, hoàn thành các thủ tục cần thiết với cơ quan hải quan, niêm phong hàng hóa nếu có.
- **B3:** Chủ hàng/ người giao hàng mang hàng đến giao cho người chuyên chở hoặc đại lý tại CFS hoặc ICD quy định. Tại đây sẽ hoàn thành nốt các thủ tục kiểm dịch, hun trùng, giám sát, bàn giao, đóng ghép hàng hóa vào chung cont với các chủ hàng khác, niêm phong kẹp chì container chuẩn bị bốc lên tàu.
- **B4:** Người chuyên chở cập biển lại nhận hàng hoặc một vận đơn chung chủ. Vận đơn thứ cấp sẽ được cấp phát tùy theo quyền của đại lý nhận hàng đóng ghép và thực tế nhận gửi hàng hóa.
- **B5:** Người chuyên chở xếp container lên tàu và vận chuyển tới nơi đến.
- **B6:** Chủ hàng hoàn thành các yêu cầu khác như đã thỏa thuận với người mua, tập hợp chứng từ để gửi cho người mua hoặc xuất trình theo quy định.

QUY TRÌNH NHẬN HÀNG LỀ GỬI BẢNG ĐƯỜNG BIỂN

- B1:** Nhận chứng từ gửi hàng cùng với các chứng từ khác từ người bán/người gửi hàng.
- B2:** Nhận thông báo hàng đến từ đại lý phát hàng đầu nhận
- B3:** Sử dụng chứng từ, thông báo hàng đến mở tờ khai và làm thủ tục thông quan nhập khẩu, thủ tục kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu nếu có, hoàn thành nghĩa vụ thuế.
- B4:** Sử dụng vận đơn gốc, vận đơn ký hậu, vận đơn Surrender cùng với ủy quyền của người nhận hàng (giấy giới thiệu) đến liên hệ hãng tàu/ đại lý để đổi Lệnh giao hàng và thanh toán các khoản phí cho đại lý.
- B5:** Cầm lệnh giao hàng tới kho CFS để làm thủ tục nhận hàng và thanh toán các khoản phí phát sinh tại kho (Bốc xếp, giao nhận, lưu kho)

GỬI HÀNG NGUYÊN CONTAINER

- **B1:** Chốt giao dịch, chuẩn bị các chứng từ hàng hóa cần thiết, lên hợp đồng, invoice, packing list
- **B2:** Đặt booking note với hãng tàu, Cung cấp các thông tin về lượng hàng, loại và cân, lượng v.v...Sau khi hãng tàu/ đại lý cấp xác nhận booking note bằng việc cấp kèm lệnh cấp cont
- **B3:** Dùng lệnh cấp cont và chứng từ ủy quyền từ doanh nghiệp xuống bãi chọn vỏ rỗng và nhận chỉ hàng tàu. Kéo vỏ rỗng về kho đóng hàng.
- **B4:** Mở tờ khai hải quan và làm các thủ tục cần thiết. Chủ hàng mời đại diện hải quan, kiểm nghiệm, kiểm dịch, giám định (nếu có) đến kiểm tra và giám sát việc đóng hàng vào container. Sau khi đóng xong, cán bộ hải quan sẽ niêm phong, kẹp chỉ container.
- **B5:** Đóng hàng và đưa hàng về hạ bãi chỉ định trước thời gian cut off quy định và lấy biên lai nhận container để chờ lấy biên lai thuyền phó (Mate receipt). Thanh lý tờ khai và vào sổ tàu.
- **B6:** Sau khi container đã xếp lên tàu thì chủ hàng mang Mate Receipt để đổi lấy vận đơn.
- **B7:** Gom chứng từ xuất trình hoặc gửi cho người mua hàng. Bỏ sung các chứng từ khác trong quy định giữa hai bên.

NHẬN HÀNG NGUYÊN CONTAINER

- **B1:** Nhận chứng từ, vận đơn do người gửi hàng gửi
- **B2:** Nhận thông báo hàng đến từ hãng tàu/ đại lý
- **B3:** Đăng ký kiểm tra chuyên ngành nếu có
- **B4:** Mở tờ khai hải quan, xuất trình hồ sơ để hải quan kiểm tra
- **B5:** Dùng vận đơn gốc, vận đơn ký hậu, vận đơn surrender và chứng từ doanh nghiệp tới hãng tàu đổi lệnh.
- **B6:** Dùng lệnh làm việc với cảng vụ để được tiếp nhận container phục vụ kiểm hóa, kiểm tra chuyên ngành.
- **B7:** Cước vỏ container và lấy hàng. Khi lấy hàng, đặc biệt lưu ý kiểm tra tình trạng của cont so với biên bản bàn giao container từ cảng vụ. Mọi lỗi phát sinh không được ghi nhận tại biên bản, người nhận hàng có khả năng phải chịu các chi phí khác phục, sửa chữa.
- **B8:** Trả vỏ về bãi chỉ định. Nhận lại tiền cước vỏ container.



EVERGREEN LINE

A Joint Service Agreement

BILL OF LADING

NOT NEGOTIABLE UNLESS CONSIGNED TO ORDER

ORIGINAL

(2) Shipper/Exporter (complete name and address) BOROUGE PTE LTD ABU DHABI BRANCH PO BOX 6951 ABU DHABI , UAE		(5) Document No. 301900001400
(3) Consignee (complete name and address) (unless provided otherwise, a consignment "To Order" means To Order of Shipper) MES VIET NAM CO., LTD CUONG NGO VILLAGE, TU HIEP WARD, THANH TRI DIST, HA NOI CITY, VIET NAM		(6) Export References 5001005656/80398876/409883
(4) Notify Party (complete name and address) MES VIET NAM CO., LTD NO 22B3, 187/2 LANE, MAI DICH STR, CAU GIAY WARD, HA NOI CITY 100000, VIET NAM MR HOANG # TEL: 0968 190 590 **		(7) Forwarding Agent
(12) Pre-carriage by	(13) Place of Receipt/Date ABU DHABI, U.A.E.	(8) Point and Country of Origin (for the Merchant's reference only)
(14) Ocean Vessel/Voy. No. MALIK AL ASHTAR 032E	(15) Port of Loading ABU DHABI, U.A.E.	
(16) Port of Discharge HAIPHONG PORT	(17) Place of Delivery HAIPHONG PORT	(9) Also Notify Party (complete name and address)

In Witness Whereof, the undersigned, on behalf of the Carrier and Vessel Provider, Evergreen Marine Corp. (Taiwan) Ltd., has signed the number of Bill(s) of Lading stated below, all of this tenor and date, one of which being accomplished, the others to stand void.

(10) Onward Inland Routing/Export Instructions (which are contracted separately by Merchants entirely for their own account and risk)

Particulars furnished by the Merchant

(18) Container No. And Seal No. Marks & Nos.	(19) Quantity And Kind of Packages	(20) Description of Goods	(21) Measurement (M ³) Gross Weight (KGS)
CONTAINER NO./SEAL NO. TEMU8957993/40H/EMCRVR9218/ N/M	990 BAGS (HI-CUBE) 1 X 40H	BF970AI ETHYLENE PROPYLENE COPOLYMER QUANTITY: 24.75 MTS (990 BAGS) FREIGHT PREPAID ** E MAIL: HOLYCUS@GMAIL.COM/ LOGISTICS.MES EVERGREEN SHIPPING AGENCY (VIETNAM) COMPANY LIMITED (HAIPHONG OFFICE) 15TH FLOOR, CENTRAL TOWER, NO.43 QUANG TRUNG STREET, HONG BANG DIST., HAI PHONG * THE BALANCE OF BILL OF LADING SEE ATTACHED LIST * TOTAL NUMBER OF ATTACHED 1 PAGE "OCEAN FREIGHT PREPAID" SHIPPER'S LOAD & COUNT 990 BAGS	29.5460 CBM 25,344.000 KGS
(22) TOTAL NUMBER OF CONTAINERS OR PACKAGES (IN WORDS)	ONE (1) CONTAINER ONLY		

(23) Declared Value \$
If Merchant enters actual value of Goods and pays the applicable ad valorem tariff rate, Carrier's package limitation shall not apply. **111009**

(24) FREIGHT & CHARGES	Revenue Tons	Rate	Per Prepaid	Collect
		AS	ARRANGED	

(25) B/L NO. EGLV 301900001400	(27) Number of Original B(s)/L THREE (3)	(29) Prepaid at ABU DHABI	(30) Collect at
	(28) Place of B(s)/L Issue/Date SINGAPORE APR. 30, 2019	(31) Exchange Rate	(32) Exchange Rate

(26) Service Type/Mode FCL/FCL O/O	(33) Laden on Board APR. 30, 2019 MALIK AL ASHTAR 032E ABU DHABI	EVERGREEN MARINE (SINGAPORE) PTE LTD. As agent for the Carrier and the Vessel Provider Evergreen Marine Corp. (Taiwan) Ltd. doing business as "Evergreen Line"
--	--	--





EVERGREEN LINE

ATTACHMENT

A Joint Service Agreement

M.V. MALIK AL ASHTAR 032E B/L NO. EGLV301900001400

ATTACHED LIST PAGE :1/1

(18) Container No. And Seal no.
Mark & Nos.

(19) Quantity And
Kind of Packages

(20) Description of Goods

TEL: 84-225-3825242 FAX: 84-225-3825240
E-MAIL: egv-hpg@evergreen-shipping.com.vn



BILL OF LADING



Shipper / Exporter (Complete name and address) SEOWON CO., LTD ADD: SUITE 94 SANDAN-RO,67 BEON-GIL MONGNAE-DONG, DANWON-GU, ANSAN-SI, KYUNGGI-DO, KOREA		Booking No. OBED INCL227701	B/L No. HDMU ICHP4811201
Consignee (Complete name and address) TO ORDER OF VIETNAM BANK FOR AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT - TULIEM BRANCH,		Export References	
Notify Party (Complete name and address) VIGLACERA SANFI COMPANY ADD: NO.70 STREET, TAY MO WARD, SOUTH TU LIEM DISTRICT, HANOI CITY, VIETNAM		Forwarding Agent References	
Pre-Carriage by		Place of Receipt *	Port of Discharge
Ocean Vessel / Voyage / Flag STARSHIP AQUILA V.1814S		Part of Loading INCHON PORT IN KOREA	Place of Delivery * HAIPHONG PORT, VIETNAM
Onward Inland Routing		For Transshipment to	Final Destination (For the Merchants Ref.)

PARTICULARS FURNISHED BY SHIPPER

Container No./Seal No., Marks and Numbers	No. of Containers or Other Pkgs	Description of Packages and Goods	Gross Weight	Measurement
VIGLACERA SANFI COMPANY HAIPHONG P.O NO : SW20180816-2 W/C NO : 1 - 15 NET : 19,705KGS GROSS : 19,907KGS MADE IN KOREA	1	CONTAINER "SHIPPER'S LOAD, COUNT & WEIGHT, S.T.B. :" (15 WOODEN CASE) CY / CY + DESCRIPTION: BRASS INGOT -A (SEOWON) + QUANTITY: 19,705.00 KGS (+/-5PCT) THE PRICE MUST BE UNDERSTOOD TO BE CIF HAIPHONG PORT, VIETNAM (INCOTERMS 2010) ** P.O NO : SW20180816-2 L/C NO. : 3100ILU180800069 FREIGHT PREPAID CNSU2025711/S435877	KGS 19,907.0000	20.0000 CBM



Total Number of Containers or Packages (in words) **ONE(1) CONTAINER ONLY**

Freight & Charges	Rate	Unit	Prepaid	Collect
FREIGHT AS ARRANGED				
Declared Value (Optional) : US \$	(PACKAGE LIMITATION CLAUSE) Section 4-(5) of U.S. Carriage of Goods by Sea Act 1924. No time carrier nor the ship shall in any event be or become liable for any loss or damage to or in connection with the transportation of goods in an amount exceeding \$500 per package lawful money of any United States, or in case of goods not shipped in packages, per customary freight unit or the equivalent of that sum in other currency, unless the nature and value of such goods have been declared by the shipper before shipment and inserted in the Bill of Lading and additional freight has been paid as required. This declaration, if embodied in the Bill of Lading, shall be prima facie evidence, but shall not be conclusive on the carrier. THIS LIMITATION OF LIABILITY SHALL APPLY TO ALL SHIPMENTS INVOLVING CARRIAGE OF THE GOODS TO OR FROM A PORT OF THE UNITED STATES, INCLUDING ALL STAGES OF INTERMODAL TRANSPORTATION.	Total Charges		

Number of Original B(s) / L **THREE(3)** On Board Date **AUG. 26, 2018**

(OBD:AUGUST TWENTY SIXTH,2018)

11 Dated at **SEOUL, KOREA AUG. 26, 2018**

HYUNDAI MERCHANT MARINE CO., LTD. AS CARRIER

IN ACCEPTING THIS BILL OF LADING the shipper, owner and consignee of the goods, and the holder of the Bill of Lading expressly accept and agree to all its stipulations, exceptions and conditions, whether written, stamped or printed, as fully as if signed by such shipper, owner, consignee and/or holder. No agent is authorized to waive any of the provisions of the clauses, IN WITNESS WHEREOF, the master or agent of the said ship has affirmed to B/L of Lading, as of this tenor and date, ONE of WHICH



QUEEN LINE INTERNATIONAL FREIGHT SERVICES LIMITED

BILL OF LADING

SHIPPER KAIPING DIYA SANITARY WARE CO.,LTD ADD:NO.A12-1, SHILONG EAST ROAD, 2ND INDUSTRY ZONE,SHUIKOU TOWN,KAIPING CITY, GUANGDONG PR,CHINA. TEL:0750-2738277		BILL OF LADING NO. QLJML19061630	DOCUMENT NO.
CONSIGNEE VIGLACERA SANFI COMPANY ADD:NO.70 STREET, TAY MO WARD, SOUTH TU LIEM DISTRICT, HA NOI CITY,VIETNAM. TEL:+84-4-38391191 TAX NO:0101049354		EXPORT REFERENCES	
NOTIFY PARTY SAME AS CONSIGNEE		FORWARDING AGENT-REFERENCES KING FREIGHT LOGISTICS VIETNAM CO., LTD. 5F, PAX SKY TOWER, 144-146-148 LE LAI STREET, DISTRICT 1, HO CHI MINH CITY, VIETNAM TAX CODE: 031546091 TEL: 84 (0)28 3926 0606 FAX: 84 (0)28 3926 0505	
PRE-CARRIAGE BY		POINT AND COUNTRY OF ORIGIN	
PLACE OF RECEIPT JIANGMEN ,CHINA		DOMESTIC ROUTING/EXPORT INSTRUCTIONS	
OCEAN VESSEL/VOY NO. JIANG HANG 933 V.190704		ONWARD INLAND ROUTING	
PORT OF DISCHARGE HAIPHONG, VIETNAM		FINAL DESTINATION (FOR THE MERCHANTS REFERENCE ONLY)	
PLACE OF LOADING JIANGMEN ,CHINA			
PLACE OF DELIVERY HAIPHONG, VIETNAM			

CONTAINER NO./ SEAL NO. MARKS AND NUMBERS	NO. OF PKGS. OR CONTAINERS	KIND OF PACKAGES, DESCRIPTION OF GOODS	GROSS WEIGHT (KGS)	MEASUREMENT (CBM)
TO: VIGLACERA SANFI COMPANY ITEM NUMBER DESCRIPTION QUANTITY WEIGHT SUPPLIER'S NAME	2 PALLETS	SHIPPER'S LOAD,COUNT & SEAL FAUCET HANDLE HS CODE:848190 2 PALLETS/ 93 CARTONS	1487.40KGS	3.810CBM

Particulars furnished by the Merchant

ORIGINAL

TOTAL NO. OF PACKAGES OR CONTAINERS (IN WORDS) **SAY TWO PALLETS ONLY**

FREIGHT AND CHARGES	RATED AS	RATE	PER	PREPAID	COLLECT	LADEN ON BOARD THE VESSEL
FREIGHT PREPAID						DATE: Jul,04,2019 PLACE OF B/L ISSUED: JIANGMEN, CHINA
TO OBTAIN DELIVERY PLEASE CONTACT:						NO. OF ORIGINAL B/L SIGNED: THREE(3) DATE OF B/L ISSUED: Jun,20,2019
						T O T A L

Received the sold in measurement good order and condition and,as far as ascertained by reasonable means of checking, as specified above unless otherwise stated. Terms of bill of lading continued on reverse side thereof. In witness whereof, three(3) original Bills of Lading have been signed all of this tenor and date one of which being accomplished the others to stand void. The surrender the original order bill of lading properly endorsed shall be required before the delivery of the property. Inspection of property covered by this bill of lading will not be permitted unless provided by law or unless permission is endorsed on this original bill of lading or given in writing by the shipper. Attention of shipper the terms and conditions of the order bill of lading under which this shipment is accepted are printed on the back hereof,Note,unless otherwise specified the charges listed above do not include customs duties, taxes, customs clearance charges and similar non transportation charges which are for the account of the cargo.

QUEEN LINE INTERNATIONAL FREIGHT SERVICES LIMITED
For and on behalf of
QUEEN LINE INT'L FREIGHT SERVICES LTD.
Frankie
 As agent of the Carrier:
Authorized Signature(s)

Consignor/Shipper

KIMSCO CO.,LTD.
 ADD:#141, MADOBUK-RO,MADO-MYEON,
 HWASUNG-SI,GYEONGGI-DO,KOREA 18573
 TEL:82-31-313-8320,FAX:82-31-313-8324



**Negotiable KIFFA
 MULTIMODAL TRANSPORT BILL OF LADING**

B/L No. KRGL1904099

Reg. No. 1125

Consignee

AN HUNG ENG. CO., LTD (AHE)
 ROOM 404, NO 1 LANE 78 DUY TAN STREET,
 DICH VONG HAU WARD, CAU GIAY DISTRICT,
 HANOI CITY, VIETNAM. **

KORAB KORAB GLOBAL CO., LTD.
 TEL:82-2-775-8339 FAX:82-2-775-8340

Notify Party

AN HUNG ENG. CO., LTD (AHE)
 ROOM 404, NO 1 LANE 78 DUY TAN STREET,
 DICH VONG HAU WARD, CAU GIAY DISTRICT,
 HANOI CITY, VIETNAM. **

SURRENDERED

For delivery of goods please apply to :
 ABK VINA INTERNATIONAL LOGISTICS CO.,LTD
 12FL, HH3 BLD, MY DINH 1 WARD,
 NAM TU LIEM DIST, HANOI CITY,VIETNAM

TEL : 84 4 3212 3665/667 FAX : 84 4 3212 3663

Pre-carriage by	Place of Receipt		
	INCHEON PORT, KOREA		
Vessel/Voyage No.			
PEGASUS UNIX 0040S			
Port of Loading	Port of Discharge	Place of Delivery	Final Destination(For the Merchant Ref.)
INCHEON PORT, KOREA	HAI PHONG PORT, VIETNAM	HAI PHONG PORT, VIETNAM	HAI PHONG PORT, VIETNAM

PARTICULARS FURNISHED BY CONSIGNOR/SHIPPER

Container No. & Seal No. Marks and No.	No. & Kinds of Containers or P'kgs	Description of Goods	Gross Weight	Measurement
KIMSCO-001	1 PALLET	SAID TO CONTAIN: 1 PALLET OF SILICON SEALANT SJ505 HS CODE:3812.39	70.000KGS	0.280CBM
** TEL: +84.4.3200.2222 PERSON IN CHARGE: HUNG DAO XUAN, DO NHU QUYNH				

C O P Y
NON-NEGOTIABLE

ON BOARD DATE:
APR.21,2019

CFS/CFS

Excess Value Declaration(Refer to § II -4.3): "FREIGHT PREPAID"

Total Number of Containers or Packages(in words) SAY : ONE (1) PALLET ONLY.		Freight Payable at SEOUL, KOREA	
Freight & Charges FREIGHT PREPAID AS ARRANGED	Prepaid	Collect	Received by the Carrier, the Goods specified herein in apparent good order and condition unless otherwise stated, to be transported to such place as agreed, authorized or permitted herein and subject to all the terms and conditions appearing on the front and reverse of this Multimodal Transport Bill of Lading(hereinafter called the 'K B/L') to which the Merchant agrees by accepting this K B/L, notwithstanding any local privileges, customs or any other agreements between the parties. The particulars of the Goods provided herein were stated by the shipper and the weight, measurements, quantity, condition, contents and value of the Goods are unknown to the Carrier. In witness whereof three(3) original K B/L(s) have been signed unless otherwise stated herein. If two(2) or more original K B/L(s) have been issued and either one(1) has been surrendered, all the other(s) shall be null and void. If required by the Carrier one(1) duly endorsed original K B/L must be surrendered in exchange for the Goods or delivery order.
Place and Date of Issue SEOUL, KOREA APR.21,2019	No. of Original B/L ZERO(0)	Signature ACTING AS A CARRIER	
B/L No. KRGL1904099			

KORAB GLOBAL CO., LTD.
 Authorized by KIFFA 1997(210 ×297 mm)
 DONG YANG BUSINESS FORM CO.,LTD. 2004. 01. 08 1-4871

EXPRESS SEA WAYBILL

DANMAR LINES

for combined transport or port to port shipment

Registered Office: Danmar Lines Ltd, P.O. Box 2651, 4002 Basel (Switzerland)

Shipper TESA TAPE ASIA PACIFIC PTE LTD 9 NORTH BUONA VISTA DRIVE,04-01 SINGAPORE 138588 SINGAPORE	Document No. S1900142153 / C1900096103	B.L. No. SINA50979
	Reference No.	

Consignee (not negotiable unless consigned "to order", to the order of a named person, or "to bearer") MES VIETNAM CO., LTD. CUONG NGO VILLAGE, TU HIEP WARD THANH TRI DISTRICT HA NOI VIET NAM TAX ID: 0106149754	Forwarding agent - references (complete name and address) DHL GLOBAL FORWARDING (SINGAPORE) PTE LTD 1 CHANGI SOUTH STREET 2, DHL DISTRIBUTION CENTRE SINGAPORE 486760 SINGAPORE TEL: +65 6542 7668 FAX:
--	---

Notify MES VIETNAM CO., LTD. CUONG NGO VILLAGE, TU HIEP WARD THANH TRI DISTRICT HA NOI VIET NAM TAX ID: 0106149754	RECEIVED by the Carrier from the Shipper in apparent good order and condition (unless otherwise noted herein) the total number or quantity of containers or other packages or units indicated in the field below entitled "Number and kind of packages: description of goods" subject to all the terms hereof (INCLUDING THE TERMS AND CONDITIONS ON THE REVERSE HEREOF ("TERMS AND CONDITIONS")) from the place of receipt or the port of loading, whichever is applicable, to the port of discharge or the place of delivery, whichever is applicable. In accepting this Bill of Lading, the Merchant (as defined in the Terms and Conditions) expressly accepts and agrees to all its terms, conditions and exceptions whether printed, stamped or written, or otherwise incorporated (including without limitation the Terms and Conditions). IN WITNESS WHEREOF the number of original Bills of Lading stated below all of this tenor and date has been signed, one of which being accomplished the others to stand void. The Carrier accepts a duty of reasonable care to check that any document which the Merchant surrenders as a bill of lading is genuine and original. If the Carrier complies with this duty, it will be entitled to deliver the Goods against what it reasonably believes to be a genuine and original bill of lading, such delivery discharging the Carrier's delivery obligations. Where this Bill of Lading is marked "Express Sea Waybill" (in which case all references in this document and the Terms and Conditions to this "Bill of Lading" shall be deemed to refer to this "Express Sea Waybill"), delivery may be made (after payment of any outstanding Freight) at the sole discretion of the Carrier, to the nominated person only upon proof of identity. Such delivery shall constitute due delivery hereunder.
--	--

Vessel KING CRIMSON	Voyage No. 013
Place of receipt SINGAPORE	Port of loading SINGAPORE SINGAPORE
Port of discharge HAIPHONG, VIET NAM	Place of delivery HAIPHONG, VIET NAM
For the release of goods apply to: DHL GLOBAL FORWARDING (VIETNAM) CORPORATION ETOWN-2 TOWER 364 CONG HOA STREET WARD 13 TAN BINH DISTRICT HO CHI MINH CITY 700000 VIET NAM Tel: +84 28 3812 3888	

Marks and Nos.	Number and kind of packages: description of goods	Gross Weight	Measurement
		in kilos	in cubic meters
	2 pallet(s) (23 PACKINGUNITS)	189.000 KG	1.070 M3
	DIECUT 15MM CIRCLE DIECUT 30MM CIRCLE		
	NET WEIGHT: 139.0 KGS INVOICE NO.: 1110064580, 1110064581 HS CODE: 590699		

SHIPPED ON BOARD 02-MAR-19
 Freight Prepaid

Container	Seals	Type	weight	Volume	Packages	Mode	Temp	Humidity
CAIU7858333	YMAD629700	CO-LOAD	189.000 KG	1.070 M3	2 PLT	CFS/CFS		
	2 PLT		189.000 KG		TAPES			

Total No. of containers/packages: 2 PALLET(S) ABOVE PARTICULARS AS DECLARED BY SHIPPER

Freight and charges	Quantity based on	Rate	Per	Prepaid	Collect
---------------------	-------------------	------	-----	---------	---------

Freight payable at SINGAPORE	Place and Date of issue SINGAPORE, SINGAPORE 02-MAR-19
Number of original Bs/L 0 (ZERO)	Signed on behalf of the Carrier : Danmar Lines Ltd. DHL GLOBAL FORWARDING (SINGAPORE) PTE LTD
The Carrier's liability is determined and limited in accordance with clause 8 of the TERMS AND CONDITIONS	
as agents	



Copy
NOT NEGOTIABLE

